

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Các chỉ số chứng khoán tăng điểm từ khi mở cửa với tâm lý được cải thiện do căng thẳng thuế quan dịu bớt. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1,293.43 điểm, tăng 10.17 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, các nhóm ngành tăng điểm mạnh như: Du lịch và giải trí, Bán lẻ, Ngân hàng... Khối ngoại hôm nay mua ròng gần 1,000 tỷ trên cả 3 sàn. Trong bối cảnh vĩ mô toàn cầu được cải thiện, xu hướng tăng điểm nhiều khả năng sẽ vẫn duy trì và hướng về vùng 1,300 – 1,320 điểm, đây là vùng giá trước khi Mỹ công bố chính sách thuế quan ngày 02/4/2025. Ngoài ra, các nhóm ngành bị ảnh hưởng mạnh bởi chính sách thuế quan nhiều khả năng sẽ phục hồi khi tâm lý lo ngại thuyên giảm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 13/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.17** điểm, đóng cửa tại **1293.43** điểm. HNX-Index **+1.89** điểm, đóng cửa tại **217.93** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+7.03)**, **CTG (+2.00)**, **MBB (+1.01)**, **MWG (+0.96)**, **BID (+0.90)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.28)**, **SSB (-0.19)**, **GAS (-0.16)**, **NVL (-0.11)**, **GEX (-0.11)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,724** tỷ đồng, tăng **10.03%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,533 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.44 điểm. Thị trường có **205** mã tăng, 61 mã tham chiếu, **106** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **977.43** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (348.38 tỷ)**, **MWG (314.33 tỷ)**, **PNJ (221.22 tỷ)**, **CTG (215.01 tỷ)**, **FPT (153.32 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **20.88** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.23%**. Các mã diễn biến tích cực:
MWG (+4.44%)
CTG (+4.10%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+3.19%)
- BSC50 **+1.16%**. Các mã diễn biến tích cực:
NLG (+5.05%) [\(Link báo cáo\)](#)
PNJ (+4.58%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHC (+4.36%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.94%	1.23%	0.79%	0.78%
1 tuần	3.16%	2.88%	4.15%	4.78%
1 tháng	6.27%	7.36%	5.81%	5.56%
3 tháng	-4.15%	-4.13%	2.09%	3.53%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,293.43	217.93	94.55
% 1D	0.79%	0.87%	1.03%
GTKL (tỷ VND)	21,724	1,196	493
%1D	10.03%	27.94%	-16.44%
GDNN (tỷ VND)	977.43	20.88	-12.40

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	348.38	VCB	-261.75
MWG	314.33	STB	-151.05
PNJ	221.22	GEX	-122.76
CTG	215.01	SSI	-62.92
FPT	153.32	HDB	-43.00

Thị trường thế giới

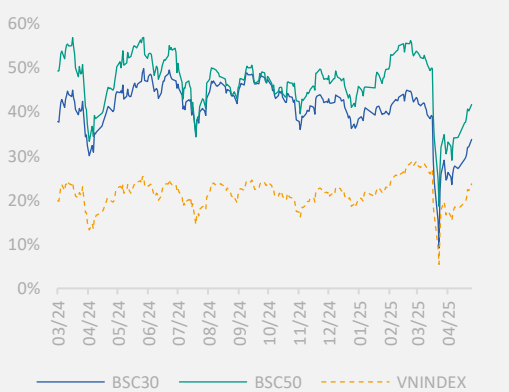
		%D	%W
SPX	5,844	3.26%	3.43%
FTSE100	8,606	0.01%	0.10%
Eurostoxx	5,396	0.30%	2.08%
Shanghai	3,375	0.17%	1.77%
Nikkei	38,224	1.54%	3.78%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.17	0.28%
Giá vàng	3,254	0.43%
Tỷ giá		
USD/VND	26,140	0.00%
EUR/VND	29,637	-0.01%
JPY/VND	180	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.01%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

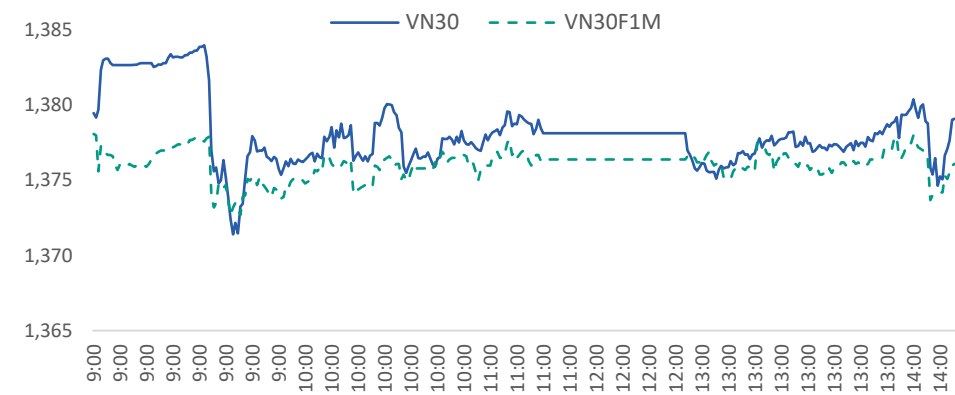
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1376.70	0.34%	90	-27.4%	9/18/2025	128
VN30F2512	1377.30	0.30%	100	-22.5%	12/18/2025	219
VN30F2505	1380.00	0.44%	144,941	-33.3%	5/15/2025	2
VN30F2506	1379.10	0.23%	5,776	16.9%	6/19/2025	37

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +10.74 điểm, đóng cửa tại 1382.78 điểm. Biên độ dao động 13.72 điểm. Các cổ phiếu như MWG, HPG, MBB, FPT, VPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tiếp tục duy trì được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm sát ngưỡng MA20. Chiến lược là giữ cổ phiếu, long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2506. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2401	5/21/2025	8	898,800	-87.50%	6.55	350	133.3%	14.35	7.94	63.50	63.50
CVIB2501	5/26/2025	13	2,449,000	-88.70%	2.00	20	100.0%	8.03	2.04	18.05	18.05
CMWG2502	5/26/2025	13	2,372,800	-84.65%	6.00	750	97.4%	11.50	9.75	63.50	63.50
CHPG2503	5/26/2025	13	457,600	-88.76%	2.70	100	66.7%	11.55	2.90	25.80	25.80
CMWG2410	6/30/2025	48	628,900	-85.86%	7.08	190	58.3%	5.65	8.98	63.50	63.50
CMWG2406	7/28/2025	76	328,300	-83.18%	6.60	1,020	47.8%	14.24	10.68	63.50	63.50
CMWG2506	6/30/2025	48	570,600	-86.91%	6.69	540	35.0%	18.95	8.31	63.50	63.50
CMBB2506	6/30/2025	48	19,200	-80.81%	2.30	1,380	34.0%	12.78	4.70	24.50	24.50
CMWG2501	6/26/2025	44	243,700	-84.02%	6.20	790	31.7%	11.47	10.15	63.50	63.50
CMWG2407	11/4/2025	175	1,358,200	-82.27%	7.00	710	26.8%	9.44	11.26	63.50	63.50
CMWG2503	10/27/2025	167	894,600	-76.38%	6.30	1,740	25.2%	11.47	15.00	63.50	63.50
CVPB2503	5/26/2025	13	374,500	-88.70%	1.90	50	25.0%	7.90	2.00	17.70	17.70
CMWG2507	11/19/2025	190	126,600	-76.90%	6.67	800	23.1%	5.70	14.67	63.50	63.50
CMBB2502	5/26/2025	13	2,499,200	-76.38%	2.09	2,130	22.4%	12.90	5.79	24.50	24.50
CVPB2505	6/30/2025	48	42,000	-86.89%	2.10	220	22.2%	15.61	2.32	17.70	17.70
CMBB2405	7/28/2025	76	6,657,300	-77.47%	2.60	730	21.7%	5.48	5.52	24.50	24.50
CMWG2505	10/9/2025	149	42,400	-74.43%	6.10	1,690	20.7%	9.59	16.24	63.50	63.50
CMSN2408	6/30/2025	48	107,400	-85.24%	8.57	60	20.0%	5.36	9.17	62.10	62.10
CMWG2504	3/26/2026	317	262,600	-72.05%	6.60	2,230	19.9%	11.43	17.75	63.50	63.50
CTCB2505	6/30/2025	48	15,900	-79.32%	2.64	1,720	19.4%	13.39	6.08	29.40	29.40

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 13/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2401 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 133.33%. CMBB2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.13%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CVHM2504, CFPT2402, CVIC2503, CVRE2504, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	85.50	19.92%	7.03	1.79
CTG	39.40	4.10%	2.00	5.37
MBB	24.50	2.94%	1.01	6.10
MWG	63.50	4.44%	0.96	1.48
BID	35.80	1.56%	0.90	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	42.20	3.94%	0.34	0.33
DNP	21.20	9.84%	0.18	0.14
VCS	48.00	2.78%	0.13	0.16
VFS	22.00	7.84%	0.13	0.12
NTP	72.70	1.82%	0.12	0.14

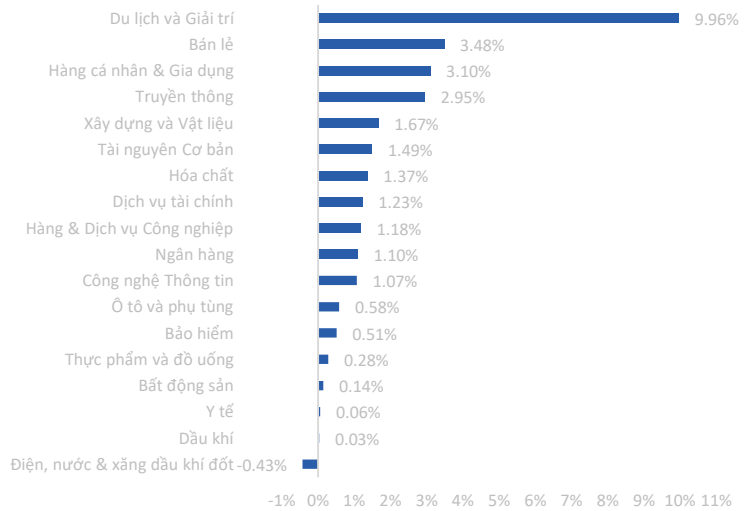
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NO1	7.69	6.95%	0.00	0.13
DHM	7.11	6.92%	0.00	0.08
SMC	10.05	6.91%	0.01	1.63
VNE	4.02	6.91%	0.01	0.51
SRC	26.60	6.61%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PHN	70.60	9.97%	0.19	0.00
DNP	21.20	9.84%	1.07	0.03
MAC	28.30	9.69%	0.15	0.04
SDU	21.60	9.09%	0.14	0.00
IDJ	4.90	8.89%	0.28	1.03

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	62.00	-0.48%	-0.28	4.11
SSB	18.70	-1.58%	-0.19	2.85
GAS	62.00	-0.48%	-0.16	2.34
NVL	12.05	-2.03%	-0.11	1.95
GEX	29.50	-1.83%	-0.11	0.86

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	55.00	-1.43%	-0.11	0.23
DTK	12.60	-1.56%	-0.08	0.68
THD	28.00	-1.06%	-0.07	0.38
KSF	63.70	-0.47%	-0.06	0.30
INN	57.40	-4.33%	-0.03	0.02

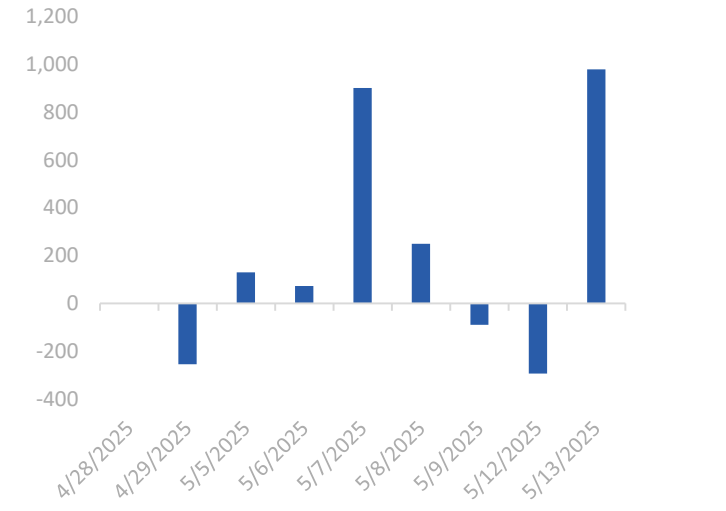
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TIX	36.55	-6.28%	-0.02	0.00
VAF	19.35	-5.61%	-0.01	0.01
CCC	17.50	-5.41%	-0.01	0.73
TN1	11.75	-5.24%	-0.01	0.08
TDP	33.10	-5.16%	-0.03	0.21

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PRC	42.50	-9.57%	-0.02	0.17
VNT	28.10	-9.35%	-0.16	0.00
HKT	7.90	-9.20%	-0.02	0.01
CMC	6.70	-8.22%	-0.01	0.00
PJC	28.00	-6.04%	-0.05	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	63.5	4.4%	1.5	93,912	1108.8	2,982	21.3		46.8%	
KBC	Bất động sản	25.9	3.2%	1.4	19,843	200.7	1,629	15.9		15.8%	
KDH	Bất động sản	29.2	3.2%	1.4	29,525	104.9	896	32.6		35.9%	
PDR	Bất động sản	16.5	-0.3%	1.8	14,969	115.2	180	91.4	23,600	7.9%	Link
VHM	Bất động sản	62.0	-0.5%	0.9	254,660	670.4	7,766	8.0	58,200	12.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	119.5	1.0%	0.9	177,019	1168.1	5,617	21.3	163,000	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	18.2	0.0%	0.0	56,274	50.0	(37)	-493.8		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.5	0.0%	1.4	13,144	124.2	2,303	11.9	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.8	0.8%	1.4	18,575	286.1	1,394	18.5		39.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.4	0.9%	1.2	45,908	602.5	1,546	15.1		35.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.9	1.1%	1.3	26,462	296.7	1,602	23.0		30.3%	
DCM	Hóa chất	33.6	-0.7%	1.5	17,788	104.4	2,805	12.0	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	91.6	-0.2%	1.4	34,788	351.1	8,224	11.1	108,500	15.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	0.8%	0.8	109,880	238.3	3,708	6.6	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.8	1.6%	0.8	251,365	234.1	3,643	9.8	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.4	4.1%	1.1	211,578	613.6	4,806	8.2	50,000	26.8%	Link
HDB	Ngân hàng	21.8	1.4%	1.1	76,192	344.6	3,985	5.5		16.9%	
MBB	Ngân hàng	24.5	2.9%	1.0	149,506	996.1	4,049	6.1	28,200	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	11.5	0.4%	1.0	29,770	104.9	2,150	5.3	14,000	27.4%	Link
STB	Ngân hàng	40.1	0.3%	1.0	75,597	532.3	5,767	7.0		21.0%	
TCB	Ngân hàng	29.4	0.0%	1.1	207,707	763.2	3,013	9.8	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.6	-1.1%	1.0	35,931	254.3	2,383	5.7	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.8	0.4%	0.8	474,602	432.7	4,063	14.0		22.4%	
VIB	Ngân hàng	18.1	0.3%	0.9	53,773	74.1	2,400	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.7	2.0%	1.0	140,430	501.2	2,030	8.7	24,000	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.8	1.6%	1.4	165,023	523.3	1,954	13.2	37,500	22.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	0.0%	1.7	9,315	78.3	749	20.0	16,800	5.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.9	0.9%	1.6	9,655	207.4	3,930	7.3	32,200	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.1	0.2%	1.4	89,322	295.8	1,518	40.9		25.2%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.5	-0.2%	0.7	122,262	264.4	4,194	14.0		48.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.8	1.50%	1.6	7,408	70.2	2,098	16.1	18.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	175.0	1.39%	0.7	23,842	69.3	3,279	53.4	32.4%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.1	0.61%	1.0	36,448	23.6	2,975	16.5	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	15.8	1.61%	1.7	9,605	168.9	321	49.0	3.0%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.4	0.61%	1.7	14,282	159.1	372	44.1	22.8%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.3	0.22%	1.5	4,147	62.4	436	53.3	3.4%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.6	1.65%	1.4	8,274	66.6	839	29.3	19.6%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	42.2	3.94%	1.6	13,926	167.4	4,982	8.5	16.6%	31.2%	
NLG	Bất động sản	33.3	5.05%	1.6	12,823	191.3	1,827	18.2	39.8%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	70.6	1.00%	0.0	14,864	62.0	6,076	11.6	4.5%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.8	0.75%	1.4	6,075	105.2	2,036	16.6	2.1%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	18.0	0.00%	1.5	12,028	203.7	1,279	14.1	9.7%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	79.6	0.25%	1.0	304,363	902.0	2,823	28.2	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.4	-0.39%	1.0	57,717	290.8	1,844	13.8	19.7%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.3	1.03%	1.3	7,237	49.6	1,654	20.7	36.3%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.6	0.14%	1.1	45,170	54.8	1,535	23.2	17.4%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.8	-0.27%	1.3	10,423	108.3	1,246	15.1	7.7%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	39.3	2.61%	1.6	12,023	256.5	1,816	21.6	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.1	1.12%	1.6	15,522	121.6	1,650	16.4	6.8%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.0	-0.48%	0.9	145,246	41.4	4,543	13.7	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	-1.16%	1.3	29,976	103.8	606	21.1	3.8%	4.4%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.7	-0.43%	0.9	32,359	44.5	4,511	15.2	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	90.5	0.11%	0.7	49,016	108.7	2,825	32.0	12.5%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29.5	-1.83%	1.7	25,353	435.4	2,052	14.4	10.1%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.9	3.71%	1.2	23,489	298.4	3,797	14.7	39.5%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.2	0.29%	1.2	8,859	81.2	5,594	12.2	12.2%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.3	0.23%	1.2	7,921	39.3	3,026	7.4	11.0%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	115.1	1.05%	0.0	14,017	161.1	3,235	35.6	6.5%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	82.2	4.58%	1.1	27,776	328.4	6,105	13.5	47.2%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.2	2.98%	0.9	3,173	77.5	2,869	10.9	49.8%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.6	1.64%	1.6	2,280	19.8	2,580	7.2	16.9%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.9	0.00%	1.4	13,266	47.0	1,223	27.7	9.0%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	28.7	2.50%	1.6	114,600	186.4	1,174	24.4	0.7%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.7	2.34%	1.0	36,696	259.4	1,856	10.6	4.0%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	34.8	-0.14%	0.3	103,808	107.0	3,333	10.4	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.3	0.00%	0.0	23,676	19.2	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.8	1.42%	1.0	26,507	38.2	1,189	9.0	19.1%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.6	1.62%	1.7	5,617	110.7	1,122	11.2	5.1%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.2	1.33%	1.6	4,047	39.2	612	24.8	0.7%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	1.74%	0.6	10,641	211.0	1,441	24.3	2.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.3	-0.40%	0.8	63,166	54.6	3,217	15.3	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.1	4.36%	1.2	12,367	148.4	5,601	9.8	22.9%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	151.1	2.93%	0.8	12,369	40.0	13,288	11.4	85.6%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.0	4.33%	1.5	8,194	116.1	3,238	25.3	48.3%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	93.4	0.11%	1.3	10,684	49.3	4,754	19.7	7.9%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.0	0.99%	1.7	3,213	33.7	3,738	13.6	7.9%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.83%	1.4	5,756	65.5	1,100	11.0	8.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.2	0.00%	1.3	7,922	29.0	1,217	18.2	16.6%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.5	0.94%	1.2	12,840	141.9	988	21.7	6.7%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.4	3.11%	1.5	20,803	46.9	2,720	17.1	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>